

Bản tin Thuế

Tháng 06 năm 2015

< Cập nhật những quy định mới về chính sách nhà nước liên quan đến doanh nghiệp >



Trong số này:

Văn bản mới

Thông tư số 96/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp	1 - 5
Chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần	5
Tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao	6
Chế độ quản lý tài chính đối với hợp tác xã	6
Lãi suất cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của nhà nước và mức chênh lệch lãi suất được tính hỗ trợ sau đầu tư	7
Một số chuẩn mực Việt Nam ban hành trong tháng 05/2015	7 - 8

Văn bản hướng dẫn

Thuế GTGT đầu vào trong trường hợp Người nộp thuế chưa thông báo thông tin TK Ngân hàng cho Cơ quan thuế	8
Hoàn thuế nhập khẩu nguyên liệu, vật tư nhập khẩu bán cho Doanh nghiệp để sản xuất hàng xuất khẩu	8 - 9
Hồ sơ thanh toán qua ngân hàng đối với khoản tiền vay	9



Ngày 22/06/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 96/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính. Một số nội

dung sửa đổi, bổ sung mới của Thông tư như sau:

1. Về phương pháp tính thuế TNDN (sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC)

Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở nước ngoài chuyển phần thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước ngoài của doanh nghiệp về Việt Nam đối với các nước đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì thực hiện theo quy định của Hiệp định; đối với các nước chưa ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp ở các nước mà doanh nghiệp đầu tư chuyển về có mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn thì thu phần chênh lệch so với số thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam.

Khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài được kê khai vào quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của năm có chuyển phần thu nhập về nước theo quy định của pháp luật về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Khoản thu nhập (lãi), khoản lỗ phát sinh từ dự án đầu tư ở nước ngoài không được trừ vào số lỗ, số thu nhập (lãi) phát sinh trong nước của doanh nghiệp khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở nước ngoài có chuyển phần thu nhập về nước mà không thực hiện kê khai, nộp thuế đối với phần thu nhập chuyển về nước thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại nước ngoài theo quy định của Luật Quản lý thuế.

2. Về xác định thu nhập tính thuế (sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 78/2014/TT-BTC)

Doanh nghiệp trong kỳ tính thuế có các hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia thực hiện dự án đầu tư (trừ dự án thăm dò, khai thác khoáng sản) nếu bị lỗ thì số lỗ này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất kinh doanh (*bao gồm cả thu nhập khác quy định tại Điều 7 Thông tư số 78/2014/TT-BTC*), sau khi bù trừ vẫn còn lỗ thì tiếp tục được chuyển sang các năm tiếp theo trong thời hạn chuyển lỗ theo quy định.

3. Về thời điểm xác định doanh thu để tính thuế TNDN (sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC)

Thời điểm xác định xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua trừ trường hợp nêu tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (*doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong một số trường hợp cụ thể*), Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC (*doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi*).

4. Về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế tại Điều 4 (sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC)

- Về chi khấu hao tài sản cố định

Bổ sung các tài sản cố định của doanh nghiệp phục vụ cho người lao động và để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm: thư viện, nhà trẻ, khu thể thao và các thiết bị, nội thất đủ điều kiện là tài sản cố định lắp đặt trong các công trình phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp; cơ sở vật chất, máy, thiết bị là tài sản cố định dùng để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Về phần chi vượt định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá

Bỏ quy định doanh nghiệp tự xây dựng, quản lý định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá sử dụng vào sản xuất, kinh doanh làm cơ sở xác định chi nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá phần vượt mức tiêu hao hợp lý không được tính vào chi phí được trừ.

Đối với phần chi vượt định mức tiêu hao đối với một số nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá đã được Nhà nước ban hành định mức sẽ không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

- Về chi trả tiền thuê tài sản của cá nhân

Bổ sung quy định không tính vào chi phí được trừ khi tính thuế đối với chi trả tiền thuê tài sản của cá nhân không có đầy đủ hồ sơ, chứng từ như sau:

+ Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản và chứng từ trả tiền thuê tài sản.

+ Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản, chứng từ trả tiền thuê tài sản và chứng từ nộp thuế thay cho cá nhân.

+ Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận tiền thuê tài sản chưa bao gồm thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) và doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ tổng số tiền thuê tài sản bao gồm cả phần thuế nộp thay cho cá nhân.

- Về chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

Bổ sung quy định không được tính vào chi phí được trừ đối với chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty,

Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty.

+ Bổ sung quy định trường hợp doanh nghiệp Việt Nam ký hợp đồng với doanh nghiệp nước ngoài trong đó nêu rõ doanh nghiệp Việt Nam phải chịu các chi phí về chỗ ở cho các chuyên gia nước ngoài trong thời gian công tác ở Việt Nam thì tiền thuê nhà cho các chuyên gia nước ngoài làm việc tại Việt Nam do doanh nghiệp Việt Nam chi trả được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

- *Về chi trang phục cho người lao động sửa đổi, bổ sung như sau:*

Bỏ mức khống chế đối với trường hợp doanh nghiệp có chi trang phục cho người lao động bằng hiện vật, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ nếu có hóa đơn, chứng từ theo quy định.

Không tính vào chi phí được trừ đối phần chi trang phục bằng tiền cho người lao động vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm.

Trường hợp doanh nghiệp có chi trang phục cả bằng tiền và hiện vật cho người lao động để được tính vào chi phí được trừ thì mức chi tối đa đối với chi bằng tiền không vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm, bằng hiện vật phải có hóa đơn, chứng từ.

- *Về khoản chi phụ cấp cho người lao động đi công tác*

Bỏ mức khống chế đối với khoản chi phụ cấp cho người lao động đi công tác, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ nếu có hóa đơn, chứng từ theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp có khoản phụ cấp cho người lao động đi công tác và thực hiện đúng theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của doanh nghiệp thì được tính vào chi phí được trừ khoản chi khoán.

- *Về chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ của doanh nghiệp.*

Trường hợp doanh nghiệp đã góp đủ vốn điều lệ, trong quá trình kinh doanh có khoản chi trả lãi tiền vay để đầu tư vào doanh nghiệp khác thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

- *Bổ sung một số khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế được tính vào chi phí được trừ như sau:*

Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động như: chi bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tự nguyện khác cho người lao động (trừ khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động).

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động không đủ 12 tháng thì việc xác định 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế được xác định bằng quỹ tiền lương thực hiện trong năm chia (:) số tháng thực tế hoạt động trong năm.

5. Về thu nhập khác (sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 7 Thông tư số 78/2014/TT-BTC)

Bỏ quy định: Thu nhập khác là khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp được hướng dẫn tại đoạn 1 Điều 7 Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

Bỏ quy định khoản thu nhập từ dự án đầu tư ở nước ngoài khi chuyển về nước được coi là khoản thu nhập khác.

Về thu nhập từ chênh lệch tỷ giá tại Khoản 9 Điều 7 Thông tư số 78/2014/TT-BTC: Đối với khoản nợ phải thu và khoản cho vay có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ, chênh lệch tỷ giá hối đoái được tính vào chi phí được trừ hoặc thu nhập là khoản chênh lệch giữa tỷ giá tại thời điểm phát sinh thu hồi nợ hoặc thu hồi khoản cho vay với tỷ giá tại thời điểm ghi nhận khoản nợ phải thu hoặc khoản cho vay ban đầu.

Bổ sung hướng dẫn tại thu nhập khác như sau:

+ Trường hợp doanh nghiệp thực hiện tiếp nhận thêm thành viên góp vốn mới theo quy định của pháp luật mà số tiền thành viên góp vốn mới bỏ ra cao hơn giá trị phần vốn góp của thành viên đó trong tổng số vốn điều lệ của doanh nghiệp thì xử lý như sau:

+ Nếu khoản chênh lệch cao hơn này được xác định là thuộc sở hữu của doanh nghiệp, bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh thì không tính vào thu nhập chịu thuế để tính thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nhận vốn góp.

+ Nếu khoản chênh lệch cao hơn này được chia cho các thành viên góp vốn cũ thì khoản chênh lệch này là thu nhập của các thành viên góp vốn cũ.

6. Về thu nhập được miễn thuế (sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC)

Bổ sung thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản của hợp tác xã; thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản của doanh nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế TNDN.

Thu nhập của sản phẩm, hàng hóa chế biến từ nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế (bao gồm ưu đãi về thuế suất, miễn giảm thuế) phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

+ Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm (giá thành sản xuất hàng hóa, sản phẩm) từ 30% trở lên.

+ Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính. Doanh nghiệp phải xác định riêng thu nhập sản phẩm, hàng hóa chế biến từ nông sản, thủy sản để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bổ sung thu nhập từ hoạt động có thu do thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao của Quỹ hỗ trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm là thu nhập được miễn thuế.

Bổ sung thu nhập được miễn thuế đối với: Thu nhập của văn phòng thừa phát lại (*trừ các khoản thu nhập từ các hoạt động khác ngoài hoạt động thừa phát lại*) trong thời gian thực hiện thí điểm theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Văn phòng thừa phát lại và hoạt động thừa phát lại thực hiện theo quy định tại các văn bản quy pháp luật có liên quan về vấn đề này

7. Về chuyển lỗ khi chia, tách doanh nghiệp (sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 78/2014/TT-BTC)

Số lỗ của doanh nghiệp phát sinh trước khi chia, tách thành doanh nghiệp khác và đang còn trong thời gian chuyển lỗ theo quy định thì số lỗ này sẽ được phân bổ cho các doanh nghiệp sau khi chia, tách theo tỷ lệ vốn chủ sở hữu được chia, tách.

8. Về Hiệu lực thi hành quy định tại Điều 14

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/08/2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

Đối với các doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác năm dương lịch thì:

- Việc chuyển tiếp ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (thời gian miễn thuế, giảm thuế, thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi) theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC được tính cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015.
- Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác thực hiện từ ngày 01/01/2015.

Khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài phát sinh từ kỳ tính thuế năm 2014 trở về trước doanh nghiệp thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định tại Thông tư về thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm tương ứng; từ năm 2015 chuyển khoản thu nhập trên về nước thì không phải thực hiện kê khai, nộp thuế đối với khoản thu nhập này. Khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài từ kỳ tính thuế năm 2015 thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 96/2015/TT-BTC.

Bãi bỏ điểm 21 Khoản 2 Điều 6, Khoản 5 Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (về *khống chế chi phí quảng cáo, tiếp thị và năm miễn thuế, giảm thuế*) và các nội dung hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp do Bộ Tài chính và các ngành ban hành không phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Nội dung chi tiết xem tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC và Công văn số 2512/TCT-CS ngày 24/06/2015 của Tổng cục Thuế

Chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

Ngày 22/06/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

Nội dung chính của Quyết định gồm:

- Xử lý Tài chính tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;
- Xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;
- Bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập;
- Chính sách đối với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi và người lao động;



Nội dung chi tiết xem tại Quyết định

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/08/2015

Tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao



Ngày 15/06/2015, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao. Cụ thể:

Doanh nghiệp công nghệ cao là doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điểm a và b Điều 75 của Luật Đầu tư, đồng thời đáp ứng các tiêu chí cụ thể sau:

1. Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao của doanh nghiệp phải đạt ít nhất 70% trong tổng doanh thu thuần hàng năm.
2. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trên tổng doanh thu thuần hàng năm đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đạt ít nhất 1%. Đối với các doanh nghiệp có tổng nguồn vốn trên 100 tỷ đồng và tổng số lao động trên 300 người tỷ lệ này phải đạt ít nhất 0,5%.
3. Số lượng lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đạt ít nhất 5%. Đối với các doanh nghiệp có tổng nguồn vốn trên 100 tỷ đồng và tổng số lao động trên 300 người tỷ lệ này phải đạt ít nhất 2,5% nhưng không thấp hơn 15 người.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/08/2015.

Chế độ quản lý tài chính đối với hợp tác xã

Ngày 28/05/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 83/2015/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với hợp tác xã.

Các nội dung chính của Thông tư, bao gồm:

- Quản lý và sử dụng vốn của Hợp tác xã;
- Quản lý, sử dụng và xử lý tài sản của Hợp tác xã;
- Quản lý nợ phải thu, nợ phải trả;
- Quản lý doanh thu, chi phí;
- Phân phối thu nhập;
- Báo cáo tài chính, kiểm toán.



Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/07/2015 và thay thế Thông tư liên tịch số 74/2008/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 14/8/2008 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính trong hợp tác xã nông nghiệp.

Lãi suất cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của nhà nước và mức chênh lệch lãi suất được tính hỗ trợ sau đầu tư



Ngày 19/05/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 76/2015/TT-BTC quy định lãi suất cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và mức chênh lệch lãi suất được tính hỗ trợ sau đầu tư. Theo đó:

1. Lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước bằng đồng Việt Nam là 8,55%/năm.
2. Lãi suất cho vay tín dụng xuất khẩu của Nhà nước bằng đồng Việt Nam là 6,9%/năm.
3. Mức chênh lệch lãi suất được tính hỗ trợ sau đầu tư đối với dự án vay vốn bằng đồng Việt Nam là 2,4%/năm.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/05/2015

Một số chuẩn mực Việt Nam ban hành trong tháng 05/2015

Ngày 08/05/2015, Bộ Tài chính ban hành một số Thông tư ban hành một số Chuẩn mực Việt Nam liên quan đến hợp đồng dịch vụ tài chính, chi tiết:

Thông tư ban hành	Tên chuẩn mực	Hiệu lực thi hành
65/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015	Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2400 - Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính quá khứ.	Từ ngày 01/01/2016
	Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.	
66/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015	Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3000 - Hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ.	Từ ngày 01/01/2016
	Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3400 - Kiểm tra thông tin tài chính tương lai.	
	Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3420 - Hợp đồng dịch vụ đảm bảo về báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước trong bản cáo bạch.	

67/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015	Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành	Từ ngày 01/07/2015
68/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015	Chuẩn mực Việt Nam về dịch vụ liên quan số 4400 - Hợp đồng thực hiện các thủ tục thỏa thuận trước đối với thông tin tài chính. Chuẩn mực Việt Nam về dịch vụ liên quan số 4410 - Dịch vụ tổng hợp thông tin tài chính.	Từ ngày 01/01/2016
69/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015	Khuôn khổ Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo	Từ ngày 01/01/2016

Nội dung chi tiết các Chuẩn mực xem tại Thông tư và văn bản kèm theo Thông tư.

Văn bản hướng dẫn

Thuế GTGT đầu vào trong trường hợp Người nộp thuế chưa thông báo thông tin TK Ngân hàng cho Cơ quan thuế



Trường hợp Người nộp thuế sử dụng tài khoản ngân hàng (*không thực hiện thông báo thông tin tài khoản ngân hàng cho Cơ quan thuế theo quy định*) để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ từ Nhà cung cấp trong nước thì Người nộp thuế bị xử phạt vi phạm pháp luật về đăng ký thuế liên quan đến thông tin tài khoản ngân hàng, đồng thời:

+ Nếu Nhà cung cấp không thực hiện thông báo thông tin tài khoản ngân hàng của Nhà cung cấp cho cơ quan Thuế thì: Nhà cung cấp bị xử phạt vi phạm pháp luật về đăng ký thuế liên quan đến thông tin tài khoản ngân hàng; Người nộp thuế không được

xét khấu trừ, hoàn số thuế GTGT đầu vào có liên quan.

+ Nếu Nhà cung cấp đã thực hiện thông báo thông tin tài khoản ngân hàng của Nhà cung cấp cho cơ quan Thuế quản lý trực tiếp Nhà cung cấp, hoặc Người nộp thuế đã thông báo bổ sung thông tin tài khoản ngân hàng của Người nộp thuế cho Cơ quan thuế trước khi Cơ quan thuế công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở Người nộp thuế thì Cơ quan thuế phối hợp với Cơ quan Thuế quản lý trực tiếp Nhà cung cấp kiểm tra hàng hóa, dịch vụ thực tế mua bán và việc thanh toán, nhận tiền thanh toán tại các tài khoản ngân hàng có liên quan, trên cơ sở đó xem xét khấu trừ, hoàn thuế theo quy định”.

Công văn số 2093/TCT-KK ngày 28/05/2015 của Tổng cục Thuế

Hoàn thuế nhập khẩu nguyên liệu, vật tư nhập khẩu bán cho Doanh nghiệp để sản xuất hàng xuất khẩu

1. Về thời hạn xét hoàn thuế nhập khẩu

Thời hạn xét hoàn thuế nhập khẩu nguyên liệu tối đa là 365 ngày được tính kể từ khi nhập khẩu nguyên liệu vật tư đến khi thực xuất khẩu sản phẩm (tính theo ngày đăng ký tờ khai hải quan).

2. Về việc áp dụng thời hạn nộp hồ sơ hoàn thuế

Doanh nghiệp được tự quyết định về thời hạn nộp hồ sơ hoàn thuế trong trường hợp đã nộp đủ các loại thuế.

Công văn số 4860/TCHQ-TXNK ngày 28/05/2015 của Tổng cục Hải quan

Hồ sơ thanh toán qua ngân hàng đối với khoản tiền vay



luật hiện hành.

Chứng từ thanh toán qua ngân hàng được hiểu là có chứng từ chứng minh việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản của bên bán (tài khoản của bên mua và tài khoản của bên bán phải là tài khoản đã đăng ký hoặc thông báo với cơ quan thuế. Bên mua không cần phải đăng ký hoặc thông báo với cơ quan thuế tài khoản tiền vay tại các tổ chức tín dụng dùng để thanh toán cho nhà cung cấp) mở tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo các hình thức thanh toán phù hợp với quy định của pháp

Trường hợp bên mua vay vốn của ngân hàng, bên mua có chứng từ chứng minh việc giải ngân vốn vay ngân hàng, chuyển tiền vay ngân hàng trực tiếp vào tài khoản của bên bán để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ cho bên mua và có xác nhận của ngân hàng thì bên mua được coi là đủ điều kiện để khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo quy định.

Công văn số 1983/TCT-CS ngày 21/05/2015 của Tổng cục Thuế

Liên hệ

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin mời liên hệ:

Phụ trách Bản tin:

Ông Lê Thành Công
Tổng Giám đốc
Phụ trách chung

Tel: +84 4 62662284
Mobile: 0913535125
Email: lecong@atcf.vn

Ông Phan Thanh Quân
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm duyệt nội dung

Tel: +84 4 62662284
Mobile: 0983612181
Email: quanpt@atcf.vn

Ông Tạ Quốc Huy
Phó phòng kiểm toán
Phụ trách biên tập

Tel: +84 4 62662284
Mobile: 0989204959
Email: quochuy@atcf.vn

Trụ sở chính:

Phòng 201, Tầng 2, toà nhà 262 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Hà Nội, Việt Nam
Tel: + 84 4 62662284
Fax: + 84 4 62662285
Website: atcf.vn

Chi nhánh tại Thành phố HCM

Văn phòng đại diện tại: Điện Biên, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Dương, Vinh, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Dương

(Thông tin liên hệ trực tiếp với các văn phòng tại website: atcf.vn)

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin khái quát, đây là một trong những hoạt động hỗ trợ khách hàng thường xuyên của ATC. Tuy nhiên, trước khi đưa ra một quyết định hoặc thực hiện một hành động có thể ảnh hưởng đến vấn đề tài chính và hoạt động kinh doanh, người sử dụng tài liệu cần tham vấn chuyên gia của chúng tôi hoặc các chuyên gia (công ty) tư vấn có chuyên môn. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại do kết quả của việc người đọc dựa vào tài liệu này.

© 2015 ATC Auditing and Valuation Firm Company Limited